ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 243 /GPMT-UBND	*Đồng Nai, ngày 25 tháng 10 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 16/CV.VHĐN ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Văn bản số 21/CV-VHĐN ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai về việc giải trình, bổ sung nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Cảng tổng hợp Vĩnh Hưng, quy mô tiếp nhận tàu trọng tải 30.000 DWT" tại ấp Phú Tân, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 736/TTr-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai, địa chỉ: ấp Phú Tân, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở "Cảng tổng hợp Vĩnh Hưng" tại ấp Phú Tân, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cảng tổng hợp Vĩnh Hưng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Phú Tân, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3600458943, đăng ký lần đầu vào ngày 23 tháng 9 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 12 năm 2018 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 360045894.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cảng tổng hợp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất cơ sở: 368.285,1m^2 (trong đó diện tích đất là 262.006,6m^2 và diện tích mặt nước là 106.278,5m^2).

- Quy mô: Cơ sở nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Tiếp nhận tàu trọng tải 30.000 DWT.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra sông Lòng Tàu và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 25 tháng 10 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12501 /UBND-KTN	*Đồng Nai, ngày 18 tháng 11 năm 2022*

V/v đính chính Giấy phép số 243/GP-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh.

Kính gửi:
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, UBND tỉnh đã cấp Giấy phép môi trường số 186/GPMT-UBND cho Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai;

Sau khi xem xét nội dung Văn bản số 8407/STNMT-CCBVMT ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh mã số thuế Giấy phép môi trường cấp cho Công ty TNHH Vĩnh Hưng Đồng Nai;

Do sơ suất trong khâu rà soát và soạn thảo văn bản; UBND tỉnh đính chính Giấy phép số 243/GP-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 như sau:

- Tại mục 1.4 khoản 1 Điều 1 Giấy phép số 243/GP-UBND ghi là: "Mã số thuế: 360045894".

Nay đính chính lại là: "Mã số thuế: 3600458943".

- Các nội dung khác của Giấy phép số 243/GP-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN.

Thaocnn.dinhchinh-GP243

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

Số 02, Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
TEL: (0251) 3822501 – FAX: (0251) 3823854 – 3824934

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 243 /GPMT-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của cảng và các đơn vị thuê kho, bãi;

- Nguồn số 02: Nước dằn tàu;

- Nguồn số 03: Nước mưa nhiễm dầu và các thành phần nguy hại trên sân bãi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sau xử lý được xả ra sông Lòng Tàu. Vị trí xả thải tại Tọa độ: X = 584429,446; Y = 1181956,295 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0).*

- Nguồn số 02 và nguồn số 03 chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, không đưa về hệ thống xử lý nước thải của đơn vị, không xả thải ra môi trường.

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 65 m^3/ngày.

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.2.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường cho từng mục đích sử dụng và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 1,1; K_f = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần
2	BOD_5	mg/l	39,6	
3	COD	mg/l	99	
4	TSS	mg/l	66	
5	$P_{tổng}$	mg/l	5,28	
6	$N_{tổng}$	mg/l	26,4	
7	Amonia	mg/l	6,6	

8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6,6	03 tháng/lần
9	Coliforms	MNP/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa khu vực kho bãi được thiết kế hệ thống cống ngầm D1000 đến D1200 thu nước từ các hố ga và mương thoát kiểu xương cá U500. Các hố ga có chức năng thu nước và chắn rác chảy vào cống qua các song chắn đặt tại miệng cống qua thành hố ga. Đồng thời hố ga cũng giữ lại các cặn như đất, cát, nước mưa sau khi lắng cặn sẽ thoát vào rạch cạnh dự án.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân của người lao động được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn bằng đường ống nhựa PVC, Ø 100mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 65m^3/ngày để xử lý;

- Nước dằn tàu, nước nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động của tàu/sà lan: được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định;

- Nước mưa trên sân bãi có nhiễm dầu hoặc thành phần nguy hại khác được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất thiết kế 65m^3/ngày: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → Bể thu gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể biochip → bể Aerotank → bể lắng đứng → bể trung gian → Bồn lọc áp lực → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, K_q = 1,1; K_f= 1,2 được xả thải ra sông Lòng Tàu).

- Công suất thiết kế của bể tự hoại: 01 bể thể tích thiết kế mỗi bể 70 m^3.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: công suất 65 m^3/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin (khối lượng 10 kg/tháng để xử lý cho lưu lượng nước thải hiện tại phát sinh là 20 m^3/ngày)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế 65 m^3/ngày từ tháng 10 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như: quy chuẩn nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (K_q = 1,1; K_f = 1,2); nước thải sau xử lý được xả thải ra sông Lòng Tàu.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.4 Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, bể chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng để khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 243/GPMT-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải từ các phương tiện vận tải trong kho bãi theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Có các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải hoạt động trong khu vực kho bãi của cảng để đảm bảo quy chuẩn môi trường theo quy định.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả khí thải ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 243 /GPMT-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cầu cảng - sà lan.
- Nguồn số 02: Khu vực trạm cân.
- Nguồn số 3: Khu vực cổng ra vào.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực cầu cảng - sà lan tại vị trí có toạ độ: X = 1181923,39; Y = 392705,238 (theo hệ tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0$45', múi chiếu 3^0).

- Khu vực trạm cân tại vị trí có toạ độ: X = 1181930,425,12; Y = 393787,473 (theo hệ tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0$45', múi chiếu 3^0).

- Khu vực cổng ra vào tại vị trí có toạ độ: X = 182437,631; Y = 393427,421 (theo hệ tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0$45', múi chiếu 3^0).

3. **Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:** QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị;
- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Công nhân làm việc phải được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn
- Các phương tiện vận chuyển trong khu vực Cảng phải định kỳ được kiểm tra, bảo dưỡng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 243 /GPMT-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 12.480 kg/năm.

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	1.000	Rắn/lỏng	KS
2	Pin, ắc quy thải	19 06 01	50	Rắn	NH
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải có chứa thành phần nguy hại	16 01 06	170	Rắn	NH
4	Các loại dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải khác có chứa thành phần nguy hại	17 02 04	100	Lỏng	NH
5	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 01	240	Rắn	KS
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình áp suất bảo dảm rỗng hoàn toàn có chứa thành phần nguy hại	18 01 02	200	Rắn	KS
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	18 01 03	200	Rắn	KS
8	Các loại dầu thủy lực khác	17 01 07	800	Lỏng	NH
9	Vải lau dính dầu, vật liệu thấm hút chứa thành phần nguy hại	18 02 01	9.600	Rắn	KS
10	Dầu DO thải	17 06 01	120	Lỏng	NH
11	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	1.000	Rắn/lỏng	KS
Tổng cộng			**12.480**		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 3.730 kg/năm

STT	Nhóm CTRCNTT	Mã số CTR CNTT	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg)/năm
1	Nhóm nhựa thải	11 02 04	Rắn	1.000
2	Giấy	12 08 03	Rắn	200
3	Nhóm gỗ	11 02 02	Rắn	500
4	Nhóm kim loại	12 08 04	Rắn	1.000
5	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải bằng vệt liệu khác	18 01 11	Rắn	1.000
6	Hộp mực in văn phòng	08 02 06	Rắn	30
Tổng cộng				**3.730**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	2.520
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	1.390
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	**3.190**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn TCVN 6707:2009 về dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 05 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền được gia cố bê tông để chống thấm. Kho sẽ lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 240 lít đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực cảng và khu vực đường nội bộ xung quanh cảng và định kỳ 02 lần/tuần giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Chủ dự án không bố trí nhà kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố tràn dầu, sự rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 243 /GPMT-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6. Thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Trường hợp Cảng tổng hợp Vĩnh Hưng nhập, xuất hóa chất, đề nghị tuân thủ đúng quy định Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hoạt động hóa chất.

8. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.